

Bản án số: 580/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2020

V/V tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh - Phó Chủ tịch Hội chữ thập đỏ Quận 7.

2. Bà Mai Thị Thanh Hương - Nguyên Hiệu trưởng Trường mầm non Tân Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị H - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 8 và ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2020, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2020 và theo Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Đặng Linh N, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: chung cư C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: đường P, khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn - bà Nguyễn Đặng Linh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn K qua tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2012, do Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2012.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn do vào tháng 11/2017 bà phát hiện ông K ngoại tình và bà có hỏi

ông K về việc này thì ông K không thừa nhận, bà đã cho ông K cơ hội sửa sai nhưng vợ chồng thường xảy ra xung đột, ông K nhiều lần nhục mạ và đánh đập bà, vợ chồng mâu thuẫn về mọi mặt trong cuộc sống và cả về cách nuôi, dạy con. Do vợ chồng mâu thuẫn không hòa giải được nên trước đây bà đã nhiều lần nộp đơn ly hôn, cụ thể là năm 2018 bà đã nộp đơn ly hôn với ông K nhưng vì ông K hứa sẽ sửa đổi và muốn hàn gắn nên bà suy nghĩ lại, đồng thời với sự động viên của gia đình nên bà đã không tham gia phiên tòa và Tòa án đã bác đơn khởi kiện của bà, tuy nhiên ông K cũng không sửa đổi, mâu thuẫn vợ chồng vẫn thường xảy ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý các con nên năm 2019 bà tiếp tục nộp đơn ly hôn với ông K nhưng do chưa hết thời hạn 01 năm kể từ khi Tòa án bác đơn ly hôn của bà nên bà đã rút đơn khởi kiện. Như vậy, đến nay là lần thứ 3 bà nộp đơn ly hôn với ông K vì bà thấy vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, không có sự quan tâm chia sẻ, thực tế thì bà và ông K đã sống ly thân đến nay là hơn một năm, bà đã ra ngoài sống cùng 02 con từ đầu năm 2020 đến nay, còn ông K sống một mình.

Như vậy, bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà N và ông K có 02 con chung là Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 27/11/2013 và Trần Nguyễn Quốc T, sinh ngày 14/06/2015.

Bà N và 02 con chung đã chuyển ra ở riêng tại căn hộ của bà từ đầu năm 2020 đến nay, còn ông K thì ở nhà cũ, hai con còn nhỏ nên cần phải ở cùng nhau để có anh em cùng chơi, hơn nữa hiện nay con T đang học tại Trường Mầm non T, nhà trường có gửi phiếu quan sát trẻ và nhắc nhở bà là trẻ T có dấu hiệu của tăng động nên cần ổn định tâm lý cho trẻ để trẻ sống cùng mẹ và anh trai sẽ tốt hơn nhiều, ông K hoàn toàn có quyền thăm và chăm sóc các con, bà chưa bao có ý định cản trở hay nói gì để các con nghĩ không tốt về cha. Về điều kiện vật chất thì bà N có điều kiện, khả năng nuôi 02 con chung vì từ trước đến nay các con chủ yếu là do bà chăm sóc, ông K thường xuyên đi công tác nên ít có thời gian chăm con; về kinh tế thì hằng tháng bà có khoản tiền cho thuê nhà được 70.000.000 đồng/tháng, bà kinh doanh thức ăn nuôi tôm tại cửa hàng ở huyện G và bà còn có nghề làm bánh, bán hàng qua mạng được khoảng 40.000.000 đồng/tháng. Về phía ông K thì trước đây ông K có gửi tiền nuôi con 60.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn thì bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng, còn ông K có tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thêm hay không thì tùy ông K.

Do đó, nay bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N khai không có.

Bà N cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7 và việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

2. Bị đơn - ông Trần Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Đăng Linh N qua thời gian 03 năm tìm hiểu nhau thì quyết định tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2012, do Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2012.

Trong thời gian chung sống vợ chồng ông sống hạnh phúc được 04 năm, sau đó xảy ra việc ông K có tình cảm thân mật với thư ký cùng công ty với ông nên vợ chồng ông hay gây gổ và có 02 lần ông đã đánh đập vợ ông. Nay ông và cô thư ký không có gì với nhau cả, cố ấy cũng đã lập gia đình riêng, ông thì mong muốn quay về đoàn tụ với vợ con. Vợ chồng ông sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng đầu năm 2020, ngoài ra năm 2019 bà N có đi Hà Nội học làm bánh và có quen một người học làm bánh cùng (người đó từ nước ngoài về), vào tháng 11/2019 cả gia đình vợ ông đi sang nước ngoài thì ông có nghe người giúp việc nói cả nhà có ghé thăm coi mặt người đó và được họ tiếp đón nhiệt tình nên đây cũng là lý do vợ chồng ông cự cãi và ly thân, việc vợ chồng ông không sống chung từ đầu năm 2020 đến nay lý do chủ yếu vì dịch bệnh covid nên vợ con về ngoại sống để đảm bảo an toàn cho các con. Ông K thì qua lỗi lầm của mình ông mong muốn vợ chồng hàn gắn để ông bù đắp lại cho vợ ông và nuôi dạy con nên người. Tuy nhiên, đến nay thì vợ ông cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung như bà N trình bày. Do ông K mong muốn được hàn gắn đoàn tụ gia đình nên trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì ông chưa có ý kiến về con chung mà chỉ có ý kiến nếu vợ ông không đồng ý đoàn tụ thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Q, sinh ngày 27/11/2013 và T, sinh ngày 14/06/2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì vợ chồng ông không thể hàn gắn đoàn tụ nên ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng vì hai con học trường quốc tế, từ trước đến nay ông là người lo chu cấp tiền nuôi con khoảng 130.000.000 đồng/tháng, trong đó tiền cho thuê nhà là 70.000.000 đồng/tháng và ông chuyển trực tiếp cho bà N 60.000.000 đồng/tháng để nuôi con ăn học. Trước đây vì ông luôn cố gắng tạo dựng kinh tế lo cho gia đình được đầy đủ, các con được ăn học đàng hoàng, bản thân ông với công việc là phó tổng giám đốc công ty của nước ngoài, đồng thời ông còn điều hành thêm một công ty khác của gia đình nên ông phải thường xuyên đi công tác, nhưng thường mỗi lần đi công tác thì chỉ 3 đến 4 ngày và lâu nhất cũng không quá nửa tháng là ông về nhà với gia đình, khi về nhà thì ông cũng chăm sóc các con phụ vợ, đồng thời ông cũng đã thuê người giúp việc nhà cho gia đình. Thời gian con đầu được khoảng 3 đến 4 tuổi thì vợ ông có biểu hiện trầm cảm, ông thấy cách vợ cho con ăn có vấn đề nên ông rất lo lắng khi giao các con cho bà N trực tiếp nuôi. Hiện nay, ông đã sắp xếp công việc kinh doanh ổn thỏa, không phải đi công tác nhiều, thu nhập hằng tháng ở mức cao và ổn định, đảm bảo cho các con được ăn học với điều kiện tốt nhất. Tuy nhiên, sau thời gian tạm ngừng phiên tòa thì ông không muốn cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh khả năng trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn vì ông đã suy nghĩ kỹ mọi yếu tố tốt nhất cho các con,

ông không muốn làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của các con nên ông đồng ý giao các con cho bà N trực tiếp nuôi sau khi ly hôn và ông sẽ cấp dưỡng tiền nuôi các con, mỗi con là 60.000.000 đồng/tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Nay ông K chưa có yêu cầu về chia tài sản chung vì ông vẫn mong muốn đoàn tụ gia đình.

- Về nợ chung: Hiện ông nợ rất nhiều, hai bên thống nhất sau khi trả hết nợ sẽ chia tài sản chung.

Ông K cam kết không còn tài liệu, chứng cứ nào để cung cấp cho Tòa án và cam kết chỉ giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7 và việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ khác.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà Nguyễn Đặng Linh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với ông Trần Văn Khôi; địa chỉ: đường P, khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật nội dung:*

[4] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được ly hôn với ông K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Bà N và ông K đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2012 ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định tại pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Căn cứ lời khai thống nhất và thừa nhận của các bên đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì từ năm 2017 vợ chồng bà N và

ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không hòa hợp, không có sự quan tâm chia sẻ và đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Ngoài ra, năm 2018 bà N đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K nhưng Tòa án đã bác đơn khởi kiện của bà, đến năm 2019 bà tiếp tục nộp đơn ly hôn với ông K nhưng bà đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nhưng đến nay thì hai bên cũng không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, bà N và ông K đã xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian dài và ngày càng trầm trọng mà hai bên không thể hòa giải được.

[7] Tòa án đã tiến hành xác minh đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ phường P, Quận G để tham khảo nhưng kết quả không thể hiện việc mâu thuẫn của vợ chồng bà N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để vợ chồng bà N và ông K hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng quan hệ hôn nhân không còn khả năng hàn gắn vì bà N và ông K không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân, phía bà N không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình và cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông K, còn ông K đã đề nghị thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng cũng không có kết quả và nay ông K cũng đồng ý ly hôn với bà N.

[8] Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] Xét yêu cầu của bà N về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[10] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của các đương sự xác định ông K và bà N có 02 con chung là Q, sinh ngày 27/11/2013 và T, sinh ngày 14/06/2015.

[11] Các đương sự thống nhất trình bày từ đầu năm 2020 đến nay thì 02 con chung vẫn đang sống cùng với bà Ngọc tại căn hộ số 6B2-4 Sky Garden 3, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông K thì sống tại căn nhà đường P, khu phố C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; cả 02 con đều học trường quốc tế nên hằng tháng ông K đã chuyển trực tiếp cho bà N số tiền 60.000.000 đồng và bà N đứng ra thu tiền cho thuê nhà 70.000.000 đồng để lo cho các con ăn học.

[12] Ngoài ra, bà N cho rằng hai con còn nhỏ nên cần phải ở cùng nhau để có hai anh em cùng chơi, hơn nữa hiện nay con T đang học tại Trường Mầm non T, nhà trường có gửi phiếu quan sát trẻ và nhắc nhở bà là trẻ T có dấu hiệu của tăng động do ảnh hưởng thiếu vắng hạnh phúc của gia đình nên cần ổn định tâm lý cho trẻ, để trẻ sống cùng mẹ và anh trai sẽ tốt hơn nhiều. Bà N có điều kiện và khả năng trực tiếp nuôi 02 con chung vì từ trước đến nay các con chủ yếu là do bà chăm sóc, ông K thường xuyên đi công tác nên ít có thời gian chăm con; hằng tháng bà có đứng ra thu tiền cho thuê nhà 70.000.000 đồng/tháng, hiện nay bà có cửa hàng kinh doanh thức ăn nuôi tôm tại huyện Cần Giờ và bà còn có nghề làm bánh, bán hàng qua mạng, tổng thu nhập được khoảng 40.000.000

đồng/tháng, trước đây ông K có gửi tiền nuôi con 60.000.000 đồng/tháng, sau khi ly hôn thì bà không yêu cầu ông K bồi cấp dưỡng, nếu ông K có tự nguyện cấp dưỡng thêm thì tùy ông K.

[13] Về phía ông K thì trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án đến khi mở phiên tòa ông không có yêu cầu về con chung nhưng do bà N không muốn hàn gắn mà cương quyết yêu cầu ly hôn với ông nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung sau khi ly hôn và ông không yêu cầu bà Ngọc cấp dưỡng nuôi con. Ông K cho rằng, trước đây vì ông luôn cố gắng tạo dựng kinh tế lo cho gia đình được đầy đủ, các con được ăn học đàng hoàng, bản thân ông là phó tổng giám đốc công ty của nước ngoài, đồng thời ông còn điều hành thêm một công ty khác của gia đình nên ông phải thường xuyên đi công tác, nhưng thường mỗi lần đi công tác thì chỉ ba đến bốn ngày và lâu nhất cũng không quá nửa tháng là ông về nhà với gia đình, khi về nhà thì ông cũng chăm sóc các con phụ vợ, đồng thời ông cũng đã thuê người giúp việc nhà. Thời gian con đầu được khoảng ba đến bốn tuổi thì vợ ông có biểu hiện trầm cảm, ông thấy cách vợ cho con ăn có vấn đề nên ông rất lo lắng khi giao các con cho bà N trực tiếp nuôi. Hiện nay, ông đã sắp xếp công việc kinh doanh ổn thỏa, không phải đi công tác nhiều, thu nhập hằng tháng ở mức cao và ổn định, đảm bảo cho các con được ăn học với điều kiện tốt nhất. Tuy nhiên, sau thời gian tạm ngừng phiên tòa thì ông đã suy nghĩ kỹ mọi yếu tố tốt nhất cho các con, ông không muốn làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của các con nên ông đồng ý giao các con cho bà N trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

[14] Về cấp dưỡng tiền nuôi con thì từ trước đến nay ông vẫn là người lo cho các con ăn học, hằng tháng ông vẫn cấp dưỡng tiền nuôi hai con nhưng nay bà N cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông thì ông đề nghị Tòa án ghi nhận việc ông tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con, mỗi con là 60.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[15] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì hiện nay bà N đứng tên chủ hộ kinh doanh tại địa chỉ: đường S, ấp A, xã K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41V8004157 ngày 11/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện G; bà N hiện đang đứng tên trên giấy chứng nhận và cư trú tại căn hộ: phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà N có đủ điều kiện và khả năng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

[16] Hơn nữa, hiện nay hai trẻ còn nhỏ và đã luôn sống cùng nhau bên cạnh mẹ, từ đầu năm 2020 ông K và bà N sống ly thân nhưng hai trẻ vẫn sống cùng với bà N nên cần tạo điều kiện để hai trẻ ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập, ngoài ra theo phiếu quan sát trẻ ngày 06/8/2020 của Trường Mầm non T thì hiện nay trẻ T có dấu hiệu của tăng động nên tiếp tục giao hai trẻ cho bà N trực tiếp nuôi là cần thiết, đảm bảo ổn định tâm lý, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[17] Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của các đương sự, giao cả hai trẻ cho bà N trực tiếp nuôi sau khi ly hôn và ghi nhận sự tự nguyện của ông K về việc cấp dưỡng tiền nuôi 02 con, mỗi con là 60.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[18] Về tài sản chung: Bà N trình bày hai bên tự thỏa thuận, còn ông K không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[19] Về nợ chung: Bà N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông K trình bày ông nợ rất nhiều, hai bên thống nhất sau khi trả hết nợ sẽ chia tài sản chung và đến nay thì ông không có yêu cầu cụ thể về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[20] Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[21] Từ những nhận định nêu trên và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của bị đơn.

[22] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu, về án phí cấp dưỡng bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông K.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 193/2012 ngày 29/10/2012 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Q, sinh ngày 27/11/2013 và T, sinh ngày 14/06/2015 cho bà N được trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông K về việc cấp dưỡng tiền nuôi 02 con, mỗi con là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt thành niên hoặc các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khác theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền, lợi ích hợp pháp của con, sau khi ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032005 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy, bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông K phải chịu.

3. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương